TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 20/02/2019
"V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chất và ông Nguyễn Huy Hiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà- Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 của Toà án nhân dân thị xã Chí Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐXX-PT ngày 17 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa 04/2019/QĐ-PT ngày 31tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Nơi đăng ký thường trú: Thôn TL, xã CT, thị xã CL, Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Phòng 22, Nhà khách 214, phố NT 2, phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn TL, xã CT, thị xã CL, Hải Dương; (có mặt)

**Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Liên trình bày:* Chị và anh Nguyễn

Văn D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2007, tại Ủy ban nhân dân xã CT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng, sau đó về sống chung tại nhà bà Nguyễn Thị L (là cô ruột anh D) ở thôn TL, xã CT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến khoảng năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng anh D hay đi chơi, ít quan tâm đến vợ con. Từ năm 2009 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, anh D xúc phạm và đánh chị. Ngày 27/3/2018, vợ chồng mâu thuẫn và chị đã về quê ở, sau đó thuê nhà sống riêng ở phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương cho đến nay. Chị có về nhà nhưng chỉ thăm con, không về sống chung với anh D. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Nguyễn Thị TT, sinh ngày 26/01/2009; Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/4/2010. Thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2018 cả 2 con chung ở với anh D. Từ tháng 9/2018 chị đón cháu Nguyễn Thị TT về ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công việc quản lý tại công ty cổ phần sân gôn Ngôi Sao CL, hưởng lương bình quân 20.000.000đ/tháng. Chị đang thuê nhà ở phường SĐ rộng rãi, có đủ điều kiện nơi ở và thu nhập để nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Điều kiện kết hôn nhất trí như nội dung chị L trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hiện đã ly thân. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc nhưng vì con cái nên chị L xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: anh và chị L có 2 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị L, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018, TAND thị xã CL đã căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1

Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D; Về quan hệ con chung: Xử giao 2 con chung Nguyễn Thị TT, sinh ngày 26/01/2009 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/4/2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị L tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung; Ngoài ra bản án còn xử lý về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2018, anh D kháng cáo về phần quan hệ con chung, anh đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi cháu Nguyễn Tuấn K vì anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị L không đồng ý kháng cáo của anh D vì anh D không có đủ điều kiện nuôi con, đề nghị giao cho chị nuôi hai con như bản án sơ thẩm.

- Anh D giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giao cho anh nuôi cháu K, chị L nuôi cháu T, anh và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm quyết vụ án: Kháng cáo của anh D là có căn cứ được chấp nhận vì anh D có đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, sửa bản án sơ thẩm về quan hệ con chung giao cho chị L nuôi cháu T, anh D nuôi cháu K và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 14/11/2018, TAND thị xã CL giao bản án cho anh D. Ngày 20/11/2018, anh D có đơn kháng cáo. Kháng cáo của anh D trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên là kháng cáo hợp lệ.

[2]. Xét đơn kháng cáo của anh D thì thấy:

Chị L yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh D, Tòa án sơ thẩm đã giải quyết cho chị L ly hôn với anh D. Anh D không kháng cáo về nội dung này, nên đã có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21/01/2009 (cấp sơ thẩm xác định sinh ngày 26/01/2009 là không chính xác) và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/4/2010. Cháu T đang ở với chị L, cháu K đang ở với anh D. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, cả hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị L; anh D có nguyện vọng nuôi cả hai con chung nhưng chưa cung cấp chứng cứ về điều kiện nuôi con, nên cấp sơ thẩm đã giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, anh D kháng cáo đề nghị xin được nuôi cháu K, đồng thời cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con như: Anh D có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể với ngành nghề kinh doanh gia công cơ khí từ ngày 07/5/2018 (BL84) và góp vốn với Công ty TNHH đầu tư xây dựng Hoa Nghĩa từ 15/4/2016(BL83), anh cung cấp mức thu nhập trung bình khoảng 30.000.000đ/tháng. Về điều kiện chỗ ở, anh D có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (BL81). Hiện tại bà Nguyễn Thị L (Là cô ruột anh D) ở cùng với hai bố con, việc chăm sóc con những khi anh đi làm có bà L phụ giúp. Về điều kiện nuôi con của chị L đưa ra như tại cấp sơ thẩm. Như vậy, xét chị L và anh D đều có điều kiện nuôi con, trong khi điều kiện nuôi con của anh D lại thuận lợi hơn chị L. Cháu K đang ở với bố, phát triển bình thường về tâm sinh lý, học tập kết quả tốt. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm cháu K thay đổi quan điểm xin được ở với bố. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, nơi học tập của các con, cần chấp nhận kháng cáo của anh D, sửa bản án sơ thẩm: giao cho chị L nuôi cháu T, còn anh D nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 80, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[3]. Về án phí: Anh D kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D.

- Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 26/10/2018 của TAND thị xã CL, Hải Dương về quan hệ con chung.

- Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21/01/2009; giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/4/2010, đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh D không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Trả lại cho anh D 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001079 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/02/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã Chí Linh;
- Chi cục THA DS thị xã Chí Linh ;
- UBND xã Cổ Thành, thị xã Chí Linh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

Vũ Thị Yến